



QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN ĐÀO TẠO TẠI VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM MIỀN TRUNG

ThS. ĐÀO THỊ THANH THỦY
Trung tâm dạy nghề kĩ thuật cao Dung Quất

Đặt vấn đề

Đại hội X của Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra mục tiêu tổng quát: "...sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển....Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển kinh tế tri thức, tạo nền tảng để đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020...". Sự ra đời của các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất (sau đây gọi tắt chung là khu công nghiệp - KCN) là điều tất yếu của tiến trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; và nhân lực tại các nhà máy, xí nghiệp trong các KCN nhất thiết phải được thông qua đào tạo. Vì thế, quy hoạch đào tạo các cơ sở dạy nghề (CSDN) để sản phẩm đầu ra của các CSDN đáp ứng nhu cầu phát triển các KCN là vấn đề cần phải quan tâm tại các tỉnh, thành phố thuộc Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung (VKTTĐMT).

1. Thực trạng các CSDN tại VKTTĐMT.

5 tỉnh và thành phố của VKTTĐMT là Thừa Thiên Huế, thành Phố Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định hiện có 187 cơ sở dạy

nghề (CSDN). Mạng lưới CSDN tại VKTTĐMT mỏng và phân bố không đều, các trường dạy nghề, các trường đại học cao đẳng, trung học chuyên nghiệp có dạy nghề chủ yếu tập trung ở TP Đà Nẵng; trong khi đó các tỉnh như Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định nơi tập trung các nhà máy công nghiệp nặng và có tỉ lệ phát triển lao động cao lại thiếu các CSDN, nhất là các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

Hiện tại, cơ sở vật chất và trang thiết bị giảng dạy của hầu hết các CSDN tại VKTTĐMT chỉ ở mức hỗ trợ cho việc phát triển các kiến thức và kỹ năng cơ bản của nghề, không phù hợp với trình độ kỹ thuật công nghệ mới, không đáp ứng yêu cầu của các doanh nghiệp (DN) đầu tư vào các KCN, nhất là các nhà máy, xí nghiệp do các nhà đầu tư nước ngoài điều hành, quản lý. Trong tổng số 187 CSDN tại VKTTĐMT có 9 Trường Cao đẳng nghề (CĐN) ; 25 Trường Trung cấp nghề (TCN) ; 22 Trường Đại học, Cao đẳng và Trung học chuyên nghiệp có dạy nghề; 64 Trung tâm dạy nghề (TTDN) và 67 cơ sở khác có dạy nghề. Bảng 1 dưới đây thể hiện số lượng các CSDN tại VKTTĐMT:

Bảng 1. Mạng lưới các cơ sở có hoạt động dạy nghề tại VKTTĐMT tính đến tháng 02/2010.

TT	Tỉnh, Thành phố	Tổng số cơ sở dạy nghề	Trong đó				
			Trường CĐN	Trường TCN	ĐH, CĐ, THCN có DN	TTDN	CSDN khác
1	Thừa Thiên Huế	36	2	4	2	16	12
2	TP Đà Nẵng	54	3	9	10	17	15
3	Quảng Nam	44	1	5	5	18	15
4	Quảng Ngãi	27	1	4	4	7	11
5	Bình Định	26	2	3	1	6	14
	Tổng số	187	9	25	22	64	67

(Số liệu do Phòng Dạy nghề của các Sở Lao động-Thương binh và Xã hội thuộc các Tỉnh tại VKTTĐMT cung cấp)



Qua số liệu thống kê trên, chúng ta có thể thấy số lượng các CSDN của vùng chủ yếu là các TTDN (64 đơn vị) đào tạo lao động kĩ thuật ở trình độ sơ cấp và các cơ sở dạy nghề tư nhân hoặc các DN (67 đơn vị) tự tổ chức đào tạo nguồn nhân lực, kịp thời đáp ứng nhu cầu sản xuất tại từng thời điểm của các nhà máy, xí nghiệp. Đến thời điểm hiện tại, về cơ bản lao động trong vùng chủ yếu là lao động có trình độ thấp, chuyên môn kĩ thuật chưa cao; và hầu hết các CSDN tại VKTTĐMT đều mới được thành lập, nhất là các Trường CĐN và TCN - phần lớn chỉ mới được thành lập trong hai năm gần đây.

Một điều đáng quan tâm hơn nữa là hầu hết các CSDN chỉ tổ chức đào tạo những ngành nghề truyền thống mà họ đã có sẵn đội ngũ giáo viên cơ hữu, trang thiết bị giảng dạy... Vì thế, các doanh nghiệp (DN) tại VKTTĐMT sau khi tiếp nhận lao động kĩ thuật (LĐKT) đã phải tổ chức đào tạo lại hoặc "tù chối" không tiếp nhận những LĐKT không phù hợp với ngành nghề mà nhà máy, xí nghiệp yêu cầu. Cung - cầu LĐKT của CSDN và DN không tương ứng, mục tiêu chung trong việc góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội vùng, miền của các CSDN và DN không đạt như mong muốn. Ta có thể khẳng định rằng: các CSDN và DN chưa "chia sẻ lợi ích lẫn trách nhiệm" để cùng nhau tồn tại và phát triển..., tính phối hợp giữa các CSDN và DN chưa cao; nhất là chúng ta chưa thiết lập được mối quan hệ giữa các CSDN trong vùng để cùng nhau chia sẻ công tác đào tạo đội ngũ nhân lực kĩ thuật đáp ứng yêu cầu của các DN đầu tư vào các KCN.... Thật vậy, chia sẻ để cùng tồn tại và phát triển (Sharing to exist and develop) là vấn đề mà tất cả những ai đã và đang tham gia tiến trình toàn cầu hóa, hội

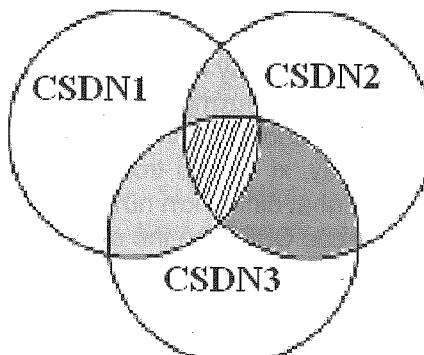
nhập kinh tế khu vực và thế giới đều cần phải quan tâm đến.

Chúng ta có thể biểu thị mối quan hệ giữa các CSDN bằng hình ảnh giao thoa của các vòng tròn. Hình ảnh giao thoa của các vòng tròn càng lớn thì mục tiêu chung của các CSDN càng đạt được cao hơn. Hình ảnh giao thoa của ba vòng tròn dưới đây thể hiện mối quan hệ chia sẻ công tác đào tạo giữa các CSDN với nhau để đạt được mục tiêu chung: Đào tạo đội ngũ nhân lực kĩ thuật đáp ứng yêu cầu của các nhà máy, xí nghiệp trong các KCN (*Xem hình 1*).

2. Kế hoạch đào tạo nghề theo các cấp trình độ và số lượng các CSDN dự kiến phát triển tại VKTTĐMT.

VKTTĐMT hiện có 23 KCN (trong đó: 19 khu công nghiệp; 04 khu kinh tế). VKKTTĐMT đã và đang thu hút số lượng lớn các dự án lớn trong và ngoài nước đầu tư vào các KCN. Vì thế, nhu cầu đội ngũ nhân lực kĩ thuật có tay nghề cao đáp ứng yêu cầu phát triển các KCN đang là vấn đề cấp thiết của vùng.

Để kịp thời cung ứng nguồn nhân lực kĩ thuật cho các nhà máy, xí nghiệp trong các KCN; mỗi tỉnh, thành phố tại VKTTĐMT đều có đề án phát triển nguồn nhân lực. Kế hoạch đào tạo lao động kĩ thuật (LĐKT) theo các cấp trình độ tại các tỉnh và thành phố Đà Nẵng đến năm 2010 được dự kiến như sau: Thừa Thiên-Huế dự kiến đào tạo 115.603 LĐKT; TP Đà Nẵng dự kiến đào tạo 80.231 LĐKT, Quảng Nam dự kiến đào tạo 100.433 LĐKT; Quảng Ngãi dự kiến đào tạo 152.605 LĐKT; Bình Định dự kiến đào tạo 174.967 LĐKT. Số liệu LĐKT theo các cấp trình độ dự kiến sẽ được đào tạo được thể hiện cụ thể trong bảng 2 dưới đây:



- Mục tiêu chung của các CSDN
- Mục tiêu riêng của CSDN1
- Mục tiêu riêng của CSDN2
- Mục tiêu riêng của CSDN3

Hình 1: Hình ảnh giao thoa của các CSDN



Bảng 2. Kế hoạch đào tạo nghề theo các cấp trình độ đến năm 2010 của VKTTĐMT

TT	Tỉnh, thành phố	Tổng số	Cao đẳng nghề	Trung cấp nghề	Sơ cấp nghề
1	Thừa Thiên-Huế	115.603	3.468	16.416	95.719
2	TP Đà Nẵng	80.231	6.659	16.207	57.365
3	Quảng Nam	100.433		17.338	89.095
4	Quảng Ngãi	152.605		38.151	114.454
5	Bình Định	174.967	4.899	11.373	158.695
	Tổng số	623.839	15.026	99.485	509.328

(Nguồn: Tổng cục Dạy nghề)

Thanh niên tại các tỉnh, thành phố thuộc VKTTĐMT có truyền thống cần cù lao động và hiếu học; mong muốn được đào tạo để có tay nghề vào làm việc tại các nhà máy, xí nghiệp ngay trên mảnh đất chôn nhau cắt rốn của mình. Tuy nhiên, trong những năm qua, các CSDN đã tổ chức đào tạo một cách chủ quan theo những gì "có sẵn". Vì thế, sản phẩm của các CSDN chưa đáp ứng yêu cầu của các doanh nghiệp về tinh phong công nghiệp, kỹ năng nghề nghiệp...

Để đạt được số lượng LĐKT nói trên cho các KCN tại VKTTĐMT, kế hoạch phát triển các CSDN đã được vạch ra như sau:

- Giai đoạn đến 2010: 10 trường CĐN; 27 trường TCN; 62 TTDN

- Giai đoạn đến năm 2015: 26 trường CĐN; 43 trường TCN; 103 TTDN

- Giai đoạn đến 2020: 37 trường CĐN; 52 trường TCN; 141 TTDN

Bảng 3 thể hiện số lượng CSDN dự kiến phát triển từ năm 2010 đến 2020 như sau:

Bảng 3. Số lượng CSDN dự kiến phát triển đến năm 2020 tại VKTTĐMT

TT	CSDN	Từ năm 2010 đến 2020		
		2010	2015	2020
1	Cao đẳng nghề	10	26	37
2	Trung cấp nghề	27	43	52
3	Trung tâm dạy nghề	62	103	141
TỔNG CỘNG		99	172	230

(Nguồn: Tổng cục Dạy nghề)

3. Quy hoạch đào tạo là giải pháp cần thiết giúp các CSDN tại VKTTĐMT

Từ ngữ "Quy hoạch đào tạo" ở đây được hiểu như sau: Quy hoạch đào tạo là luận chứng để phát triển các cơ sở đào tạo hay CSDN và tổ chức không gian các hoạt động đào tạo một cách hợp lý trên vùng, miền nhất định trong một thời gian xác định.

Quy hoạch đào tạo phải được xây dựng trên nền tảng quy hoạch kinh tế - xã hội của vùng, miền. Vì chính quy hoạch kinh tế - xã hội của vùng, miền giúp chúng ta giải quyết được các vấn đề về kinh tế và xã hội, trong đó có bài toán về nguồn nhân lực. Hay nói cách khác, căn cứ quy hoạch kinh tế - xã hội của vùng, miền chúng ta biết trước được định hướng phát triển kinh tế và xã hội của vùng, miền đó sẽ phát triển theo hướng công nghiệp nặng, công nghiệp nhẹ hay dịch vụ...; từ đó, chúng ta sẽ làm tốt công tác quy hoạch đào tạo thông qua việc đầu tư xây dựng hợp lý các CSDN, sản phẩm đầu ra của các CSDN chắc chắn sẽ đáp ứng yêu cầu của các DN đầu tư vào các KCN tại vùng, miền đó. Như vậy, cung - cầu về LĐKT giữa CSDN và DN tại vùng, miền đó sẽ không còn là vấn đề nan giải nữa.

Đối với các CSDN, Quy hoạch đào tạo sẽ giúp cho các CSDN định hướng được ngành nghề đào tạo, năng lực đào tạo... phù hợp với yêu cầu của các nhà máy, xí nghiệp trong các KCN tại từng thời điểm nhất định. Hơn nữa, nhờ vào quy hoạch đào tạo các CSDN có thể cùng nhau chia sẻ công tác cung ứng sản phẩm đầu ra một cách thỏa đáng cho các DN; chúng ta có thể ví dụ như sau: Quy mô đào tạo của CSDN1 chỉ đáp ứng 70% ngành nghề, số lượng LĐKT mà DN1, DN2, DN3 tại vùng, miền CSDN1 thực hiện nhiệm vụ



đào tạo đó yêu cầu; lúc này, CSDN1 có thể phối hợp với CSDN2, CSDN3 ở nơi khác cùng nhau liên kết đào tạo, cung ứng nguồn nhân lực cho các DN nói trên. Như vậy, nhu cầu LĐKT của các DN sẽ kịp thời được giải quyết, không còn hiện tượng mất cân đối LĐKT trên thị trường lao động nữa.

Có thể nói rằng: Quy hoạch đào tạo các CSDN là việc làm hết sức cần thiết trong giai đoạn hiện nay. Nhờ vào Quy hoạch đào tạo, công tác phát triển nguồn nhân lực lao động kĩ thuật đáp ứng yêu cầu các nhà máy, xí nghiệp trong các KCN sẽ được thực hiện tốt hơn. Hay nói cách khác, Quy hoạch đào tạo là một trong những giải pháp giúp chúng ta có được đội ngũ LĐKT đáp ứng nhu cầu phát triển các KCN trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Tóm lại, với mong muốn VKTTĐMT thật sự là vùng kinh tế hùng mạnh, kinh tế - xã hội của vùng phát triển kịp hai vùng kinh tế trọng điểm miền Bắc và Nam thì các tỉnh, thành phố tại VKTTĐMT cần có chiến lược quy hoạch trong nhiều lĩnh vực và lĩnh vực đào tạo nghề là không ngoại lệ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, *Chiến lược phát triển dạy nghề giai đoạn 2011 - 2020*, Hà Nội, 2009.

2. Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, *Đề án đổi mới và phát triển dạy nghề giai đoạn 2009 - 2020*, Hà Nội, 2009.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X, NXB Chính trị Quốc Gia, Hà Nội, 2006.

4. Luật Dạy nghề, 2006.

5. Tổng cục Dạy nghề, *Đề án Quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở dạy nghề cho 3 vùng Kinh tế trọng điểm giai đoạn 2006 - 2010*, Hà Nội, 2005.

6. Tổng cục dạy nghề, *Báo cáo tổng quan: Phát triển nguồn nhân lực qua đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp trong Vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung*, Hà Nội, 2008.

SUMMARY

From the situation of vocational training institutions in the central key economic region the author addresses the vocational training plan by levels and number of vocational institutions to be built in this region based on the master plan for the central economic region.

CỘNG ĐỒNG VÀ GIÁO DỤC...

(Tiếp theo trang 55)

Lời của ông Lý Xuân Thành, Chủ tịch UBND xã Sín Chéng, huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai. Ông Thành kể lại rằng: khi mới bắt đầu Dự án, nhiều cha mẹ học sinh nghĩ rằng để con em mình thạo tiếng Việt thì con em mình phải được học và sử dụng tiếng Việt càng sớm càng tốt. Họ lo ngại rằng việc dành thời gian sử dụng TMD của học sinh trong khi học khiến việc học tiếng Việt ít hơn, thậm chí còn thêm gánh nặng cho các em trong khi các em đã biết TMD rồi. Như vậy, các em không theo kịp chương trình. Nhưng sau 3 năm thực nghiệm dựa trên kết quả học tập của học sinh và chất lượng giáo dục thực tế đã chỉ ra không phải như vậy. GDSN dựa trên TMD đã giúp trẻ hình thành và phát triển những kĩ năng học ngôn ngữ một cách nhanh nhất, tốt nhất. Những kĩ năng này giúp trẻ em học tiếng Việt tốt hơn, tiếp thu kiến thức của bài học dễ dàng hơn.

Cộng đồng thấy rằng, học TMD liên thông từ mầm non đến tiểu học giúp học sinh được tiếp cận với giáo dục một cách công bằng hơn, vững chắc hơn. Khi trẻ đã nắm vững TMD thì học tiếng Việt tốt hơn, nhanh hơn. Học sinh nghe giảng hiểu nội dung bài học, từ đó thích đi học về nhà có thể kể lại cho cha mẹ hôm nay ở lớp được học cái gì? Điều đó làm cho cha mẹ rất vui.

Ông Sơn Lâm Át - phụ huynh của em Sơn Thành Ánh Nhật, học sinh lớp 2 điểm trường Bông Ven Nhị trường B huyện Cầu Ngang - tỉnh Trà Vinh khi gặp các nhà tài trợ đến từ Thụy Sỹ, Na Uy, Canada,... đã phát biểu “Tôi không biết chương trình GDSN trên cơ sở TMD tốt hay không tốt, nhưng chỉ biết rằng khi so sánh đứa con trai lớn đi học trước đứa con thứ 2 hai năm thì đến bây giờ vẫn không nhanh nhẹn và hiểu được nhiều bằng đứa con thứ 2 mới đi học lớp song ngữ được 1 năm. Vì vậy, tôi muốn cho con tôi được đi học lớp song ngữ trên cơ sở TMD”.

SUMMARY

Bilingual education based on mother tongue is a new approach in ethnic education. This approach requires consensus by the ethnic community. This is an important factor for the success of the bilingual education project. This article presents some voices from local representatives in the years of this project.